

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/DS-ST
Ngày: 30-5-2023
“V/v hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Hoa
2. Ông Nguyễn Văn Năm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2023/TLST-DS, ngày 13 tháng 4 năm 2023 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977. Địa chỉ: 235 Quốc lộ 62 ấp 3, xã P, huyện T, tỉnh Long An. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1982. Địa chỉ: 66/3 ấp 4, xã P, huyện T, tỉnh Long An. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Vào ngày 18/12/2020 âm lịch bà T1 có vay của bà T số tiền 500.000.000đ, mục đích vay tiền để bà T1 làm vốn mua bán đất, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn vay thỏa thuận khi nào bà T1 bán được đất đã mua thì sẽ trả tiền vay cho bà T, do là chị em bạn dì nên tin tưởng khi vay tiền bà T không làm giấy vay mà chỉ nói miệng, cùng ngày 18/12/2020 âm lịch bà T đã trực tiếp đưa cho bà T1 số tiền vay 500.000.000đ. Đến tháng 10/2021, bà T1 có bán phần đất bà đã vay tiền của bà T để hùn mua nhưng không thanh toán tiền cho bà T nên đến ngày 28/8/2022 bà T1 lập giấy xác nhận có nội dung “bà T1 xác nhận ngày 18/12/2020 âm lịch có vay của chị Nguyễn Thị T số tiền 500.000.000đ, mục đích vay tiền để hùn vốn mua đất với em trai và hẹn khi nào bán lô đất sẽ

hoàn lại tiền cho bà T” nội dung giấy xác nhận do bà T1 ghi, tại mục người viết do bà T1 ký tên, lăn tay và ghi họ tên. Đến ngày 30/01/2022 bà T1 lập Giấy xác nhận hứa sẽ gửi trả trước cho bà T 200.000.000đ vào ngày 15/01/2022 âm lịch nhưng bà T1 không thực hiện. Đã nhiều lần bà T yêu cầu bà T1 thanh toán tiền vay cho bà T nhưng bà T1 không thực hiện. Từ khi vay đến nay bà T1 có trả cho bà T tiền lãi được 09 tháng mỗi tháng 15.000.000đ và 07 tháng sau đó mỗi tháng 5.000.000đ, tổng số tiền lãi đã nhận là 170.000.000đ. Nay bà T khởi kiện yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Thanh T1 trả cho bà Nguyễn Thị T tiền gốc vay là 500.000.000 đồng, không yêu cầu bà Thuý trả tiền lãi. Bà T không đồng ý cho bà T1 trả dần tiền nợ như bà T1 trình bày, bà T yêu cầu bà T1 trả một lần tiền nợ 500.000.000đ. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thanh T1 trình bày: bà T1 thống nhất vào ngày 18/12/2020 âm lịch bà T1 có vay của bà T số tiền 500.000.000đ, mục đích vay tiền để bà T1 hùn tiền với em trai mua đất kinh doanh, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn vay thỏa thuận khi nào bà T1 bán được đất đã mua thì sẽ trả tiền vay cho bà T, khi vay tiền bà T không làm giấy vay mà chỉ nói miệng, cùng ngày 18/12/2020 âm lịch bà T1 trực tiếp nhận của bà T số tiền vay 500.000.000đ. Đến tháng 10/2021 em trai bà T1 có bán phần đất bà T1 đã vay tiền của bà T để hùn với em trai mua đất, sau khi bán được đất do nội bộ gia đình phát sinh mâu thuẫn nên bà T1 không có khả năng thanh toán tiền cho bà T như đã hứa hẹn khi vay tiền. Ngày 28/8/2022 bà T1 có viết giấy xác nhận có nội dung “bà T1 xác nhận ngày 18/12/2020 âm lịch có vay của chị Nguyễn Thị T số tiền 500.000.000đ” mục đích vay tiền để hùn vốn mua đất với em trai và hẹn khi nào bán lô đất sẽ hoàn lại tiền cho bà T, nội dung giấy xác nhận do bà T1 ghi, tại mục người viết do bà T1 ký tên, lăn tay và ghi họ tên. Đến ngày 30/01/2022 bà T1 lập Giấy xác nhận hứa sẽ gửi trả trước cho bà T 200.000.000đ vào ngày 15/01/2022 âm lịch, số tiền 300.000.000đ hứa sẽ thanh toán sau cho bà T nhưng bà T1 chưa thực hiện. Bà T1 xác định còn nợ bà T số tiền gốc vay là 500.000.000đ. Từ khi vay đến nay bà T1 có trả cho bà T tiền lãi được 09 tháng mỗi tháng 15.000.000đ và 07 tháng sau đó mỗi tháng 5.000.000đ, tổng số tiền lãi đã trả là 170.000.000đ. Bà T1 không có yêu cầu gì đối với tiền lãi đã trả cho bà T, bà không yêu cầu điều chỉnh lãi theo quy định pháp luật, đối với tiền gốc vay bà T1 xin được trả dần mỗi tháng 7.000.000đ trong thời gian 01 năm đầu, bắt đầu từ năm thứ 02 trả dần mỗi tháng 17.000.000đ đến khi trả hết nợ cho bà T, thời hạn trả tiền bắt đầu từ tháng 06/2023. Ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Vụ án được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa cả nguyên đơn và bị đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác và giữ nguyên ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thanh T1 trả số tiền vay phát sinh từ hợp đồng vay tiền. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, HĐXX xét thấy:

Vào ngày 18/12/2020 (âm lịch) bà T1 có vay của bà T số tiền 500.000.000đ, mục đích vay tiền để bà T1 hùn tiền với em trai mua đất kinh doanh, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn vay thỏa thuận khi nào bà T1 bán được đất đã mua thì sẽ trả tiền vay cho bà T. Tại phiên tòa bà T1 xác nhận có vay của bà T số tiền 500.000.000đ tuy nhiên sau khi bán đất do mâu thuẫn gia đình nên bà chưa trả cho bà T theo thỏa thuận. Do bà T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà T khởi kiện và yêu cầu buộc bà T1 có nghĩa vụ trả tiền vốn vay cho bà T là có cơ sở và được chấp nhận.

Đối với yêu cầu xin trả dần: Bà T1 xin được trả dần mỗi tháng 7.000.000đ trong thời gian 01 năm đầu, bắt đầu từ năm thứ 02 trả dần mỗi tháng 17.000.000đ đến khi trả hết nợ cho bà T, thời hạn trả tiền bắt đầu từ tháng 06/2023. Việc xin trả không được bà T đồng ý. Pháp luật không quy định việc cho trả dần nên ý kiến của bà T1 không được chấp nhận. Buộc bà T1 phải trả 01 lần số tiền còn nợ cho bà T.

Về lãi suất: Bà T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Đối với số tiền lãi đã nhận bà T1 không tranh chấp và không yêu cầu điều chỉnh theo quy định nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên bà Thúy phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà T theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016; Điều 26 luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thanh T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thanh T1 trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc vay 500.000.000đ.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, thì bà Nguyễn Thanh T1 phải liên đới chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thanh T1 phải chịu 24.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T số tiền 12.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003848 ngày 13/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa.

3. Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành dân sự án.

***Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Long An;
- THA, VKS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu AV, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hương